

Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

Chiến lược mới đa dạng hoá nguồn thu

05/12/2025

Chuyên viên phân tích Phạm Phương Linh
(+84) 24-7303-5333 linhpp@kbsec.com.vn

Tín dụng hồi phục tốt trong quý 3 so với đà tăng trưởng chậm trong 6 tháng đầu năm

Hết quý 3, ACB ghi nhận tăng trưởng tín dụng đạt 15.2% YTD – cao hơn mức 13.4% trung bình ngành sau 2 quý đầu năm chậm lại do sự hồi phục chậm của nhóm bán lẻ. Dù mảng cho vay hồi phục tích cực, thu nhập lãi thuần vẫn giảm nhẹ do sự thu hẹp của NIM. Luỹ kế 9 tháng 2025, ACB ghi nhận LNTT đạt 6,072 tỷ đồng – hoàn thành 67% kế hoạch của ngân hàng.

Bảo đảm các tỷ lệ về thanh khoản khiến NIM chưa hồi phục như kỳ vọng

Tín hiệu khả quan là lợi suất cho vay có sự cải thiện trong quý 3 (+17bps) nhờ sự cải thiện đồng đều từ cả tín dụng và lãi suất cho vay. Dù vậy, chúng tôi cho rằng NIM của ACB sẽ khó có thể cải thiện mạnh mẽ trong bối cảnh lãi suất huy động ở thị trường 1 đang có xu hướng tăng trở lại, trong khi định hướng nới lỏng chính sách tiền tệ sẽ vẫn tiếp diễn trong năm 2026.

Chất lượng tài sản cải thiện giúp giảm áp lực trích lập dự phòng, bảo toàn lợi nhuận

Nợ xấu cải thiện ở hầu hết các phân khúc khách hàng, điều này cũng giúp ACB giảm áp lực trích lập nợ xấu trong quý 3 (trích lập giảm 20% YoY). Tỷ lệ nợ xấu có thể nhích tăng nhẹ trở lại về giai đoạn cuối năm, song chúng tôi vẫn giữ nguyên kỳ vọng về chất lượng tài sản của ACB vẫn ở mức an toàn với tỷ lệ nợ xấu cả năm nay trong khoảng 1.2-1.3%.

Định giá – Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu 32,100 VNĐ/CP

Khuyến nghị MUA cổ phiếu ACB với giá mục tiêu mới 32,100 VNĐ/CP - tiềm năng tăng giá 28% so với giá đóng cửa ngày 04/12/2025.

MUA Duy trì

Giá mục tiêu	VND 32,100
Tăng/giảm (%)	28%
Giá hiện tại (04/12/2025)	VND 24,900
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 32,232
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	142.8/5.4

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	87.9%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	403.5/15.4
Sở hữu nước ngoài (%)	30.0%
Cổ đông lớn	Sather Gate Investments Limited (4.99%)

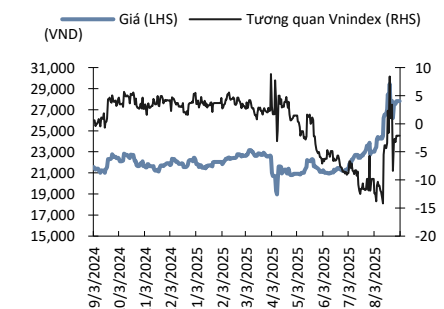
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	20.9	30.8	23.0	28.9
Tương đối	8.4	6.0	-5.5	-2.1

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2023	2024	2025F	2026F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VNĐ)	24,960	27,795	29,310	34,820
LN trước CF DPRSTD (tỷ VNĐ)	21,872	22,612	24,865	28,194
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VNĐ)	16,045	16,790	18,005	20,137
EPS (đồng/cổ phiếu)	4,131	3,759	3,505	3,920
Tăng trưởng EPS (%YoY)	2	-9	-7	12
PER (x)	6.0	6.6	7.1	6.4
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	18,269	18,685	18,779	21,324
PBR (x)	1.36	1.33	1.33	1.17
ROE (%)	24.8	21.7	20.0	19.6
Tỷ suất cổ tức (%)	2.16	2.16	2.16	3.60

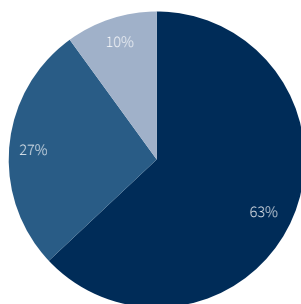
Nguồn: Fiinpro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Cơ cấu tín dụng 2024

■ Cá nhân ■ Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ (SME) ■ Doanh nghiệp Lớn (MMLC)



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Hoạt động kinh doanh

Ngân hàng TMCP Á Châu được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ năm 1993. Với tổng tài sản khoảng 864 nghìn tỷ đồng, hiện ACB đang nằm trong nhóm NHTMCP lớn theo cách phân loại của chúng tôi. ACB tập trung cho vay bán lẻ với tỷ trọng trên 60% trong nhiều năm qua. Đây cũng là ngân hàng có chất lượng tài sản tốt hàng đầu hệ thống khi rủi ro với cho vay phát triển BĐS và trái phiếu doanh nghiệp thấp.

Điểm nhấn đầu tư

Kỳ vọng tăng trưởng duy trì mức 16-18% trong giai đoạn 2025-2027 nhờ đa dạng hoá danh mục cho vay, mở rộng dư địa tăng trưởng cho nhóm KHDN lớn.

NIM được kỳ vọng sẽ ổn định trong 2026 khi lợi suất cho vay cải thiện tích cực, nhưng chi phí vốn cũng tăng nhanh do LSHĐ đang có xu hướng tăng trở lại.

Khẩu vị rủi ro an toàn, chất lượng tài sản dẫn đầu ngành, tỷ lệ nợ xấu kỳ vọng được kiểm soát tốt nhờ danh mục cho vay chất lượng cao, duy trì trong khoảng 1.2-1.4%.

Chú thích

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

Tham khảo trong báo cáo kỳ trước [tại đây](#)

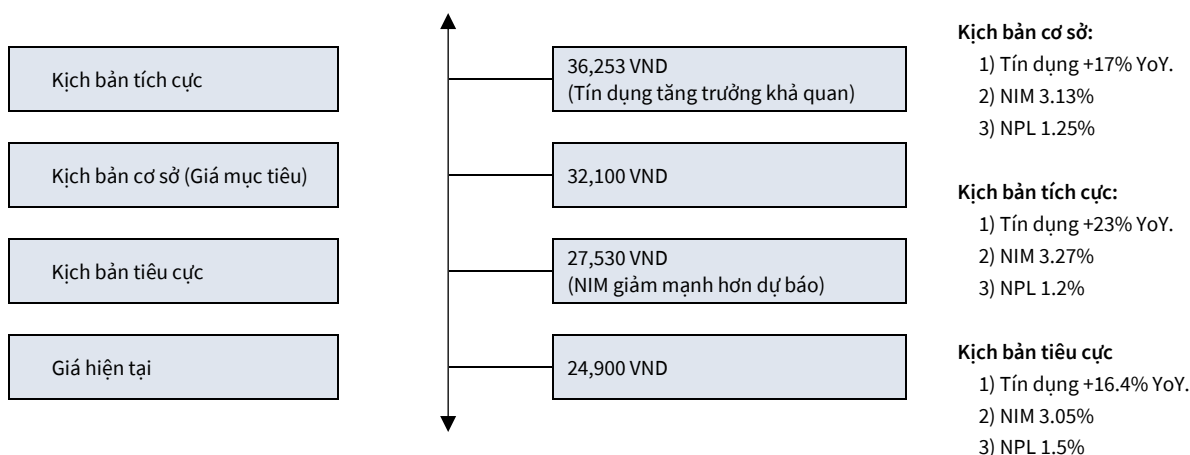
Dự phóng kết quả kinh doanh

(tỷ VND)	Dự phóng của KBSV		Thay đổi với kỳ trước		Dự phóng đồng thuận*		Chênh lệch	
	2025E	2026E	2025E	2026E	2025E	2026E	2025E	2026E
Thu nhập lãi thuần (NII)	29,310	34,820	-8%	-6%	29,937	34,334	-2%	1%
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	24,865	28,194	-4%	-6%	23,727	27,080	5%	4%
LNST ngân hàng mẹ	18,005	20,137	-3%	-6%	17,745	20,766	1%	-3%

Nguồn: Bloomberg, KBSV ước tính

*Dự phóng đồng thuận: là dự phóng trung bình của các CTCK được Bloomberg tổng hợp và tính toán

Quan điểm định giá



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tín dụng hồi phục tốt trong quý 3 so với đà tăng trưởng chậm trong 6 tháng đầu năm

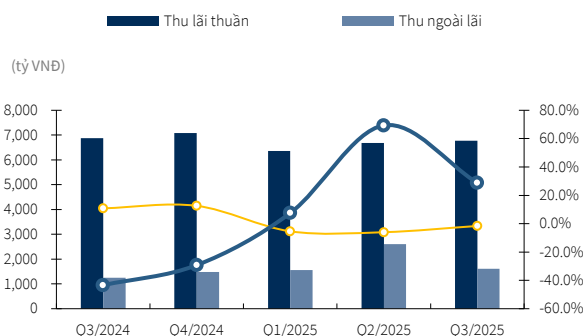
Hết quý 3, ACB ghi nhận tăng trưởng tín dụng đạt 15.2% YTD – cao hơn mức 13.4% trung bình ngành sau 2 quý đầu năm chậm lại do sự hồi phục chậm của nhóm bán lẻ. Dù mảng cho vay hồi phục tích cực, thu nhập lãi thuần vẫn giảm nhẹ do sự thu hẹp của NIM. Tổng thu nhập hoạt động trong quý 3 và 9 tháng đi ngang so với cùng kỳ được, bù đắp một phần nhờ tốc độ tăng trưởng hai chữ số từ các nguồn thu ngoài lãi. Điểm tích cực là ACB vẫn duy trì được vị thế chất lượng tài sản tốt nhất ngành với xu hướng nợ xấu ngày càng cải thiện, điều này giúp giảm áp lực trích lập dự phòng cho ngân hàng. Luỹ kế 9 tháng 2025, ACB ghi nhận LNTT đạt 6,072 tỷ đồng – hoàn thành 67% kế hoạch của ngân hàng.

Bảng 1. Cập nhật Kết quả kinh doanh

(tỷ VNĐ)	Q3/2024	Q3/2025	+/-%YoY	9T2025	+/-YoY	Chú thích
Thu nhập lãi thuần	6,881	6,770	-1.6%	19,812	-4.4%	Tăng trưởng tín dụng hồi phục trong quý 3 nhưng thu nhập lãi thuần gần như đi ngang so với cùng kỳ năm trước và cải thiện nhẹ so với quý trước, phần lớn chịu ảnh hưởng từ biên độ NIM thu hẹp.
Thu nhập ngoài lãi	1,255	1,615	28.7%	5,779	36.2%	Sự chậm lại của thu nhập lãi thuần được bù đắp bởi đà tăng trưởng tích cực từ các nguồn thu ngoài lãi (+29% YoY): - Thu nhập dịch vụ hồi phục trở lại sau đà giảm trong quý trước. (+36% QoQ, +6.5% YoY). - Thu nhập từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối, chứng khoán kinh doanh vẫn duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ so với cùng kỳ.
Tổng thu nhập hoạt động	8,136	8,385	3.1%	25,592	2.5%	
Chi phí hoạt động	(2,934)	(2,714)	-7.5%	(8,142)	-0.3%	Chi phí hoạt động duy trì xu hướng giảm nhẹ, tỷ lệ CIR tăng trở lại 32% do tăng trưởng tổng thu nhập chậm hơn.
CIR	36.1%	32.4%	-369bps	32%	-89bps	
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(358)	(289)	-19.3%	(1,378)	-5.5%	Chất lượng tài sản cải thiện cũng làm giảm áp lực trích lập dự phòng trong quý 3 (-20% QoQ).
LNTT	4,844	5,382	11.1%	16,072	4.8%	
LNST	3,870	4,281	10.6%	12,840	4.9%	
Tăng trưởng tín dụng (YTD)	13.8%	15.2%				Tín dụng hồi phục trong quý 3 sau 6 tháng tăng chậm hơn mức trung bình ngành, trong đó cho vay KHDN vẫn là động lực tăng trưởng chính. Cho vay bán lẻ cải thiện hơn chủ yếu đến từ sản phẩm cho vay mua nhà tăng trưởng mạnh mẽ nhờ triển khai các gói sản phẩm vay hấp dẫn.
Tăng trưởng huy động (YTD)	8.2%	8.4%				
NIM	3.87%	3.18%	-69bps			NIM tiếp tục giảm dù tốc độ giảm đã có phần chậm lại trong quý 3. Lợi suất tài sản tăng trở lại nhưng chi phí vốn cũng gia tăng do tăng phát hành giấy tờ có giá (GTCG).
NPL	1.49%	1.09%	-1.6%			Số dư nợ xấu giảm so với quý trước trong đó nợ nhóm 3 ghi nhận giảm 26% QoQ. Tỷ lệ nợ xấu của ACB giảm 39bps QoQ về mức 1.09% - mức tương đối thấp so với toàn ngành.

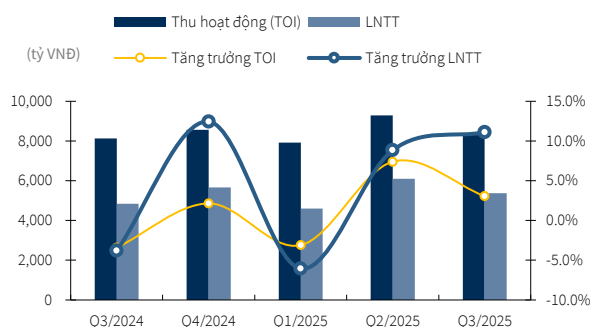
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 2. Tăng trưởng lãi thuần và thu ngoài lãi theo quý



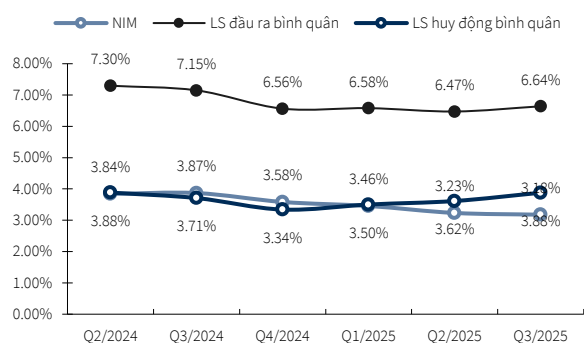
Nguồn: ACB, KBSV

Biểu đồ 3. Tăng trưởng TOI và LNTT



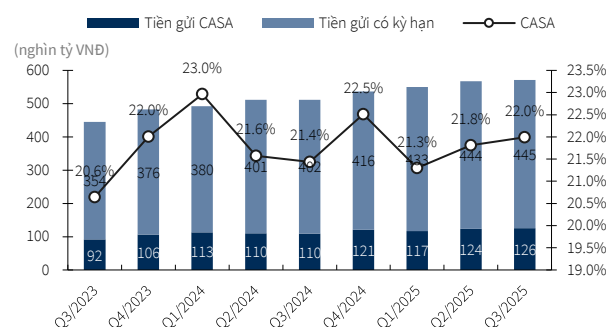
Nguồn: ACB, KBSV

Biểu đồ 4. Biến động NIM theo quý



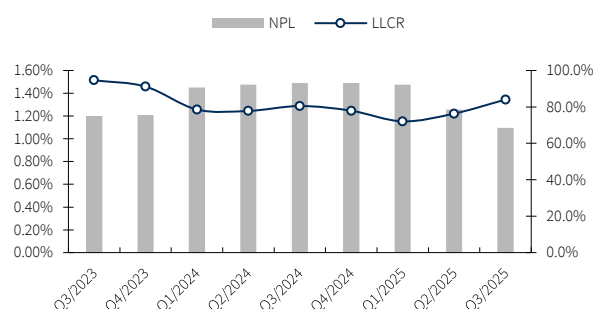
Nguồn: ACB, KBSV

Biểu đồ 5. Cơ cấu huy động



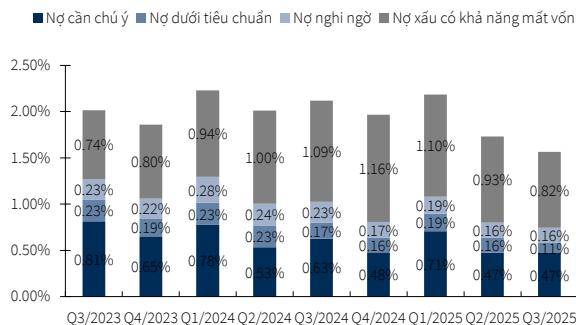
Nguồn: ACB, KBSV

Biểu đồ 6. Tỷ lệ nợ xấu (NPL) và bao phủ nợ xấu (LLCR)



Nguồn: ACB, KBSV

Biểu đồ 7. Tỷ trọng các nhóm nợ/tổng tín dụng



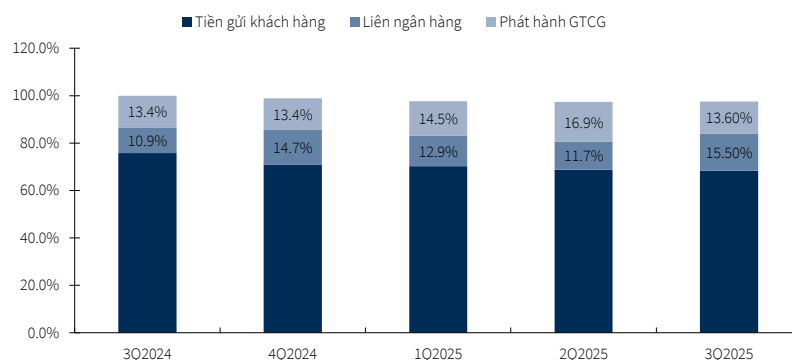
Nguồn: ACB, KBSV

Bảo đảm các tỷ lệ về thanh khoản khiến NIM chưa hồi phục như kỳ vọng

NIM giảm về dưới mức kỳ vọng của chúng tôi chủ yếu do chi phí vốn tăng mạnh. Sự thay đổi cấu trúc huy động khi tăng tỷ trọng huy động từ GTCG phù hợp với chiến lược thận trọng về thanh khoản của ngân hàng, giúp LDR của ACB vẫn tương đối thấp so với mức tăng nhanh của các ngân hàng cùng nhóm. Tuy nhiên, điều này tạm thời gây áp lực lên chi phí vốn, cùng với việc cạnh tranh lãi suất ở chiều cho vay để giữ thị phần tín dụng cũng đã ảnh hưởng đến NIM. Tính đến cuối quý 3, NIM giảm về mức 3.18% - thấp hơn so với mức kỳ vọng của chúng tôi.

Tín hiệu khả quan là lợi suất cho vay có sự cải thiện trong quý 3 (+17bps) nhờ sự cải thiện đồng đều từ cả tín dụng và lãi suất cho vay. Dù vậy, chúng tôi cho rằng NIM của ACB sẽ khó có thể cải thiện mạnh mẽ trong bối cảnh lãi suất huy động ở thị trường 1 đang có xu hướng tăng trở lại, trong khi định hướng nới lỏng chính sách tiền tệ sẽ vẫn tiếp diễn trong năm 2026.

Bảng 8. Cơ cấu huy động vốn của ACB



Nguồn: ACB, KBSV

Những bước tiến mới trong việc đẩy mạnh nguồn thu ngoài lãi

Áp lực suy giảm của NIM trong thời gian dài đang thúc đẩy các ngân hàng đa dạng hoá nguồn thu. ACB cũng không nằm ngoài xu hướng này khi ban lãnh đạo chia sẻ những định hướng phát triển mới để gia tăng doanh thu ngoài lãi trong tương lai:

- **Mảng bảo hiểm phi nhân thọ:** Năm 2026, ACB dự định sẽ thành lập công ty bảo hiểm phi nhân thọ với vốn điều lệ 500 tỷ đồng. Đây được xem là một trong những chiến lược đa dạng hoá nguồn thu và củng cố sức mạnh mô hình hệ sinh thái tài chính (Ngân hàng – Công ty Chứng khoán – Bảo hiểm). Đối với mảng bảo hiểm nhân thọ, ngân hàng vẫn đang có hợp đồng phân phối độc quyền với đối tác SunLife.
- **Kinh doanh vàng miếng:** Môi trường pháp lý thay đổi tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các ngân hàng trong hoạt động kinh doanh vàng. Tại ACB ngân hàng đã và đang nghiên cứu các sản phẩm thương hiệu vàng miếng – là một trong những ngân hàng đi đầu trong việc phát triển thương hiệu vàng miếng.

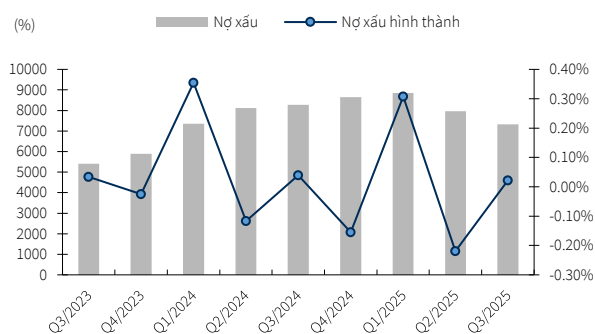
Các mảng kinh doanh này dự kiến sẽ vẫn khiêm tốn trong cấu phần lãi của ACB do lợi nhuận từ kinh doanh vàng thường nhỏ, trong khi mảng bảo hiểm cần thêm thời gian để thị trường hồi phục mạnh mẽ. Nhưng những sáng kiến này sẽ là nguồn đóng góp trong dài hạn giúp ngân hàng củng cố vị thế.

Chất lượng tài sản cải thiện giúp giảm áp lực trích lập dự phòng, bảo toàn lợi nhuận

Như đã đề cập trong báo cáo cập nhật kỳ trước, môi trường vĩ mô và cải tiến pháp lý thuận lợi đã góp phần quan trọng cho xu hướng hồi phục của chất lượng tài sản. Đối với ACB, tỷ lệ nợ xấu giảm từ 1.48% cuối quý 1 về 1.09% cuối quý 3 (-38bps), số dư nợ xấu giảm 8% QoQ và giảm 17% nếu so với quý 1. Cụ thể, nợ xấu cải thiện ở hầu hết các phân khúc khách hàng, NPL của nhóm KHCN chỉ ở mức thấp 1.3%, nhóm KHDN 0.8%. Điều này cũng giúp ACB giảm áp lực trích lập nợ xấu trong quý 3 (trích lập giảm 20% YoY) mà vẫn đưa tỷ lệ bao phủ nợ xấu tăng lên mức 84%.

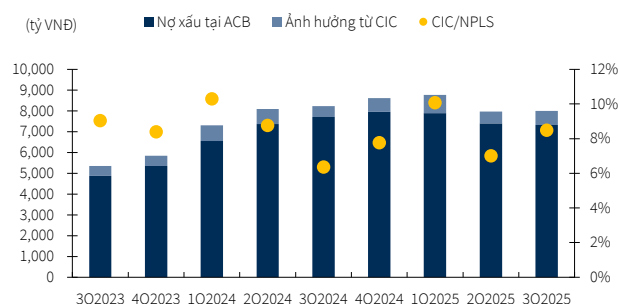
Tỷ lệ nợ xấu có thể nhích tăng nhẹ trở lại về giai đoạn cuối năm, song chúng tôi vẫn giữ nguyên kỳ vọng về chất lượng tài sản của ACB vẫn ở mức an toàn với tỷ lệ nợ xấu cả năm nay trong khoảng 1.2-1.3%. Cho giai đoạn dự phóng 2026F-2030F, tỷ lệ này dự kiến sẽ được duy trì ở mức thấp đầu ngành khi chúng tôi đánh giá cao khẩu vị rủi ro của ngân hàng cũng như chiến lược luôn chú trọng đến bảo đảm chất lượng tài sản.

Biểu đồ 9. Tỷ lệ nợ xấu hình thành



Nguồn: ACB, KBSV

Biểu đồ 10. Nợ xấu và ảnh hưởng CIC



Nguồn: ACB, KBSV

DỰ PHÓNG VÀ ĐỊNH GIÁ

Bảng 10. Dự phóng Kết quả kinh doanh

(tỷ VNĐ)	2024	2025F	+/-%YoY	2026F	+/-%YoY	Chú thích
Thu nhập lãi thuần (NII)	27,795	29,310	5.5%	34,820	18.8%	Giữ nguyên dự phóng tăng trưởng tín dụng 17% trong năm 2025 và 16% trong năm 2026, nhưng điều chỉnh dự phóng về NIM.
Thu ngoài lãi (NOII)	5,720	7,803	36.4%	7,135	-8.6%	Giữ nguyên dự phóng so với kỳ trước.
Tổng thu nhập hoạt động	33,515	37,112	10.7%	41,956	13.1%	
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng RRTD	22,612	24,865	10.0%	28,194	13.4%	
Chi phí trích lập dự phòng	(1,606)	(2,359)	46.8%	(3,023)	28.2%	Giữ nguyên dự phóng so với kỳ trước.
Lợi nhuận trước thuế	21,006	22,507	7.1%	25,172	11.8%	
NIM	3.58%	3.13%	-45bps	3.18%	5bps	Hạ dự phóng NIM dù lợi suất cho vay cải thiện, song chi phí vốn đang có xu hướng tăng nhanh hơn, nhất là trong bối cảnh LSHĐ đang tăng trở lại.
Lãi suất đầu ra bình quân	6.56%	6.27%	-29bps	6.42%	14bps	
Lãi suất đầu vào bình quân	3.34%	3.51%	16bps	3.60%	10bps	
CIR	32.5%	33.0%	47bps	32.8%	-20bps	
NPL	1.49%	1.25%	-24bps	1.35%	10bps	
Tổng tài sản	864,006	1,046,578	21.1%	1,191,271	13.8%	
Vốn chủ sở hữu	83,462	96,459	15.6%	109,533	13.6%	

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Định giá – Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu 32,500 VNĐ/CP

Chúng tôi kết hợp 2 phương pháp định giá là P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư để tìm ra mức giá hợp lý cho cổ phiếu ACB.

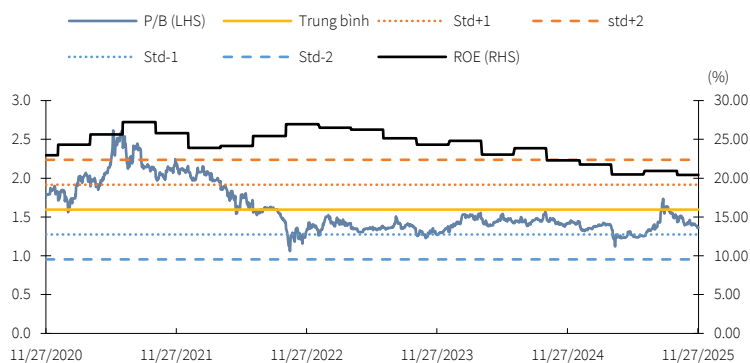
(1) Phương Pháp định giá P/B

Mức P/B mục tiêu cho năm 2026 là 1.6x khi tăng trưởng có phần chững lại theo hướng bền vững, nhưng ROE dự kiến sẽ vẫn duy trì ở mức cao 17-19%.

(2) Phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư

Bên cạnh đó, chúng tôi kết hợp sử dụng thêm phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư để phản ánh rủi ro hệ thống và kỳ vọng dài hạn.

Khuyến nghị MUA cổ phiếu ACB với giá mục tiêu mới 32,100 VNĐ/CP - tiềm năng tăng giá 28% so với giá đóng cửa ngày 04/12/2025.

Bảng 11. Diễn biến ROE và chỉ số P/B của ACB

Nguồn: Bloomberg, KBSV

Bảng 12. Cổ phiếu ACB – Định giá 2026 phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư

Tỷ đồng	2026F	2027F	2028F
Lợi nhuận sau thuế	20,137	24,652	27,094
Lợi nhuận thặng dư	4,781	6,924	6,652
Chi phí vốn (re)	13.19%		
Tăng trưởng (g)	3.0%		
Giá trị cuối cùng	28,832		
Tổng giá trị hiện tại (PV)	165,566		
Giá trị cổ phiếu ACB	32,232		

Nguồn: KBSV ước tính

Bảng 13. Tổng hợp các phương pháp định giá – giá mục tiêu

Phương pháp định giá	Giá dự phóng	Tỷ trọng	Giá dự phóng theo tỷ trọng
P/B	31,923	50%	15,962
Lợi nhuận thặng dư	32,232	50%	16,116
Giá mục tiêu			32,100

Nguồn: KBSV ước tính

Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) – Bảng tóm tắt KQKD& Dự phóng 2022A-2026F

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh						Bảng cân đối kế toán					
(Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025F	2026F	(Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025F	2026F
Thu nhập lãi thuần	23,534	24,960	27,795	29,310	34,820	Cho vay khách hàng	408,857	482,235	573,947	673,194	780,194
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	40,699	52,347	50,903	58,698	70,166	Chứng khoán kinh doanh	1,131	7,177	3,881	7,867	8,837
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(17,165)	(27,387)	(23,108)	(29,389)	(35,345)	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý (trừ dự trữ bắt buộc)	8,461	6,909	5,696	9,404	10,672
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	3,526	2,922	3,239	3,443	3,787	Tài sản có sinh lời	590,241	701,817	848,958	1,022,691	1,164,513
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	990	863	624	1,448	771	Tài sản cố định và tài sản khác	14,163	15,631	16,233	20,847	24,272
Tổng thu nhập hoạt động	28,790	32,747	33,515	37,112	41,956	Tổng tài sản	607,875	718,795	864,006	1,046,578	1,191,271
Chi phí hoạt động	(11,605)	(10,874)	(10,903)	(12,247)	(13,761)	Tiền gửi của khách hàng	413,953	482,703	537,305	754,892	856,638
LN thuần trước CF DPRRTD	17,185	21,872	22,612	24,865	28,194	Các khoản vay phải sinh, giấy tờ có giá	44,365	52,569	101,678	78,434	90,396
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(71)	(1,804)	(1,606)	(2,359)	(3,023)	Các khoản nợ chịu lãi	526,664	624,778	758,530	918,122	1,043,495
Thu nhập khác	1,110	1,197	1,266	2,386	1,270	Các khoản nợ khác	22,772	23,060	22,014	31,997	38,242
Chi phí khác	(121)	(334)	(642)	(938)	(499)	Tổng nợ phải trả	549,437	647,839	780,544	950,119	1,081,737
Tổng lợi nhuận trước thuế	17,114	20,068	21,006	22,507	25,172	Vốn điều lệ	33,774	38,841	44,667	51,367	51,367
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(3,426)	(4,023)	(4,216)	(4,501)	(5,034)	Thặng dư vốn cổ phần	272	272	272	272	272
LNST	13,688	16,045	16,790	18,005	20,137	Lợi nhuận chưa phân phối	15,172	20,286	23,734	30,031	43,105
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	Các khoản điều chỉnh vốn	-	-	-	-	-
LNST ngân hàng mẹ	13,688	16,045	16,790	18,005	20,137	Vốn chủ sở hữu	58,439	70,956	83,462	96,459	109,533

Chỉ số tài chính (%)	2022	2023	2024	2025F	2026F	Định giá (đồng, X, %)	2022	2023	2024	2025F	2026F
Khả năng sinh lời						Chỉ số về giá					
ROE	26.5%	24.8%	21.7%	20.0%	19.6%	EPS cơ bản	4,053	4,131	3,759	3,505	3,920
ROA	2.4%	2.4%	2.1%	1.9%	1.8%	Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	17,303	18,269	18,685	18,779	21,324
ROE trước dự phòng	26.6%	27.0%	23.4%	22.1%	21.9%	Giá trị sổ sách hữu hình/CP (Tangible BVPS)	16,968	17,897	18,195	18,227	20,610
ROA trước dự phòng	2.4%	2.6%	2.3%	2.1%	2.0%	Chỉ số định giá					
Biên lãi ròng (NIM)	4.3%	3.9%	3.6%	3.1%	3.2%	PER	6.1	6.0	6.6	7.1	6.4
Hiệu quả hoạt động						PBR	1.4	1.4	1.3	1.3	1.2
LDR thuần	99.9%	101.0%	108.1%	90.0%	92.0%	ROE	2.4%	2.4%	2.4%	2.4%	4.0%
CIR	40.3%	33.2%	32.5%	33.0%	32.8%		26.5%	24.8%	21.7%	20.0%	19.6%
Tốc độ tăng trưởng						An toàn vốn					
Tăng trưởng tổng tài sản	15.2%	18.2%	20.2%	21.1%	13.8%	Tỉ lệ an toàn vốn (CAR)	11.0%	11.2%	12.8%	>13%	>13%
Tăng trưởng cho vay khách hàng	14.8%	17.9%	19.0%	17.3%	15.9%	Chất lượng tài sản					
Tăng trưởng LN thuần trước DPRRTD	12.1%	27.3%	3.4%	10.0%	13.4%	NPL (nợ xấu nhóm 3-5)	0.7%	1.2%	1.5%	1.3%	1.4%
Tăng trưởng LNST ngân hàng mẹ	42.5%	17.2%	4.6%	7.2%	11.8%	Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu nhóm 3-5)	193.1%	82.7%	62.2%	73.1%	74.4%
Tăng trưởng EPS	14.0%	1.9%	-9.0%	-6.7%	11.8%	SML (nợ xấu và nợ cần chú ý)	1.3%	1.9%	2.0%	2.0%	2.1%
Tăng trưởng BVPS	4.1%	5.6%	2.3%	0.5%	13.6%	Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu và nợ cần chú ý)	109.1%	53.7%	47.1%	46.9%	49.0%

Nguồn: KBSV ước tính

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Văn phòng, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Vietinbank, số 93 - 95 Hàm Nghi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Hotline: 1900 1711

Email: info@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(Dựa trên kỳ vọng tăng giá trong 6 tháng tới)

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(Dựa trên đánh giá triển vọng trong 6 tháng tới)

Tích cực:	Trung lập:	Tiêu cực:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin, dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Khách hàng nên độc lập cân nhắc hoàn cảnh, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.